TÒA ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:63/2019/LĐ - ST
Ngày: 20.11.2019
V/v "tranh chấp đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Cúc.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi, Cán bộ hưu trí

2. Ông Vũ Ngọc Thanh, Nơi công tác: Phòng TBXH quận Liên Chiểu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Chu Thị Phương Thùy-** Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Bà **Phạm Ái Linh -** Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 103/2019/TLST-LĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về "*Tranh chấp đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-LĐ ngày 14.10.2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐXXST-LĐ ngày 04.11.2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện L, tỉnh Q. Đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị Ngọc O**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: tổ 19, phường H, quận C, thành phố Đ.(theo giấy ủy quyền ngày 03/6/2019) *(có mặt)*.

2. Bị đơn: **Công ty TNHH MTV T**. Địa chỉ: Đường số 6, Khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu,TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Sang B, sinh năm 1960.Chức vụ: Giám đốc. Quốc tịch: Hàn Quốc. Nơi ĐKHKTT: 6 Nk 74-gil, Gk, Seoul, Hàn Quốc. *(Vắng mặt lần thứ hai)*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội TP. Đà Nẵng**. Địa chỉ: 43 Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh H- sinh năm 1983. Chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách quản lý thu(theo giấy ủy quyền số 1930/BHXH-QLT ngày 18/11/2019) (*Có mặt)*

4. Người làm chứng: Bà **Lê Thị Kiều C**, sinh năm 1981; Trú tại: số 64/9 đường T, phường H, quận C, thành phố Đ. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Bà Phạm Thị D vào làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 07 tháng 9 năm 2016, tổng thời gian làm việc là 01 năm, 10 tháng (tính đến 30/7/2018) theo HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm, số 157/2017/HĐLĐ/L2 ngày 04/9/2017 Phụ lục HĐLĐ số 201/2018/PL ngày 30/12/2017, tiền lương là 3.966.000đ/tháng (Công nhân may).

Từ ngày 01/8/2018 đến nay, ông Kim Sang B, quốc tịch Hàn Quốc, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV T không có mặt tại trụ sở làm việc, không thực hiện các thỏa thuận về tiền lương và BHXH, BHYT cho bà Phạm Thị D theo HĐLĐ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Vậy đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV T phải:

1. Trả tiền lương còn lại của tháng 6 năm 2018 là 2.390.508 đồng (*Tiền lương tháng 6: 4.270.508 đồng, đã chuyển lần 1: 1.300.000 đồng, lần 2: 580.000 đồng*) và tiền lương tháng 7 năm 2018 (26 ngày công) là: 4.179.570 đồng. Tổng tiền lương là 6.570.078 đồng.

2. Buộc Công ty trích nộp cho cơ quan BHXH là 21.935.627 đồng mà Công ty không thực hiện theo quy định pháp luật BHXH trong thời gian bà Phạm Thị D làm việc.

* *Bị đơn là Công ty TNHH MTV T*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập Công ty TNHH MTV T đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng Công ty TNHH MTV T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã phối hợp cùng với chính quyền địa phương trực tiếp đến trụ sở của Công ty TNHH MTV T để thực hiện việc tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng Công ty TNHH MTV T đã đóng cửa, ngưng hoạt động nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội TP. Đà Nẵng có ông Phạm Anh Huy là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

- Về số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội (bao gồm nợ gốc và lãi) mà Công ty TNHH MTV T còn nợ của bà Phạm Thị D là: 21.935.627 đồng (*hai mươi mốt triệu,chín trăm ba mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi bảy đồng*), trong đó: số tiền nợ gốc: 19.922.560 đồng (tính từ tháng 11/2016 đến tháng 7/2018), số tiền nợ lãi: 2.013.067 đồng (tính từ tháng 02/2017 đến tháng 7/2018), số tiền lãi được tính theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2018 mức tính lãi là 1,2084%/1 tháng và theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 mức tính lãi là 1,317%/1 tháng.

Đối với khoản tiền nợ BHXH đề nghị Công ty TNHH MTV T chuyển về tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH thành phố Đà Nẵng.

** Người làm chứng bà Lê Thị Kiều C có đơn trình bày:* Bà Lê Thị Kiều C làm việc tại Công ty TNHH T từ ngày 16/9/2014 đến ngày 03/8/2018 (ngày Công ty tạm ngừng hoạt động) với chức danh công việc là phụ trách công tác Hành chính nhân sự.

Bà Chinh được cung cấp Bảng chấm công tháng 7 được trích từ hồ sơ quản lý nhân sự của Công ty của từng người lao động làm việc tại Công ty TNHH T với thời gian là việc từ 01/7/2018 đến 21/7/2018 để làm chứng cứ xem xét giải quyết vụ án.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 73, 77, 234 BLTTDS. Còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia quá trình tố tụng là không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72, 234 BLTTDS.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 90, 94, 96, 102, 201, 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, 17, 18, 21, 23, 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn phải thanh toán cho bà Phạm Thị D tiền lương tháng 6/2018 là 2.390.508 đồng, lương tháng 7 năm 2018 là: 4.179.570 đồng. Tổng tiền lương còn nợ là 6.570.078 đồng.

Buộc Công ty trích nộp cho cơ quan BHXH là 21.935.627 đồng mà Công ty không thực hiện theo quy định pháp luật BHXH trong thời gian bà Phạm Thị D làm việc.

Án phí Lao động sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phạm Thị D với bị đơn Công ty TNHH MTV T là tranh chấp về bảo hiểm xã hội và tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của BLTTDS. Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Đà Nẵng thì Công ty TNHH MTV T có trụ sở tại quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng và chưa đăng ký giải thể nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng theo điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét theo lời trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị D thì Công ty TNHH MTV T đã ngừng sản xuất và hoạt động vào đầu tháng 8 năm 2018, ngày 18/6/2019 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có đơn yêu cầu hòa giải tại Phòng Lao động thương binh xã hội quận Liên Chiểu. Ngày 17/7/2019 bà Phạm Thị D khởi kiện đến Tòa án ND quận Liên Chiểu. Căn cứ khoản 2 Điều 202 BLLĐ năm 2012, nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về điều kiện khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện có tranh chấp về tiền lương nên đây là tranh chấp thuộc trường hợp phải thông qua thủ tục hòa giải trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 201 BLLĐ năm 2012 và Điều 32 BLDS năm 2015. Căn cứ Công văn số 232/UBND-LĐTBXH ngày 20/6/2019 về việc trả lời đơn yêu cầu hòa giải của người lao động của Phòng Lao động thương binh và xã hội quận Liên Chiểu thì nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

[4]Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng có đơn yêu cầu xin được xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 229 BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Đối với bị đơn Công ty TNHH MTV T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với yêu cầu thanh toán tiền lương mà Công ty TNHH T còn nợ nguyên đơn bà Phạm Thị D, bao gồm: Tiền lương còn lại của tháng 6 năm 2018 là 2.390.508 đồng (*Tiền lương tháng 6: 4.270.508 đồng, đã chuyển lần 1: 1.300.000 đồng, lần 2: 580.000 đồng*) và tiền lương tháng 7 năm 2018 (26 ngày công) là: 4.179.570 đồng. Tổng tiền lương là 6.570.078 đồng.

HĐXX căn cứ vào bảng lương tháng 6, các chứng từ chuyển lương của ngân hàng BIDV chi nhánh Hải Vân xác định số lương còn lại chưa chuyển cho người lao động. Đối với yêu cầu lương tháng 7 căn cứ vào bảng chấm công của do người làm chứng bà Lê Thị Kiều C, là Trưởng phòng nhân sự của Công ty TNHH MTV T cung cấp (không có xác nhận từ phía công ty) thì trong tháng 7, từ 01/7/2018 đến 21/7/2018 bà làm việc được 18 công (trừ 02 ngày chủ nhật). Còn 8 ngày còn lại trong tháng 7, tính từ 22/7/2018 đến 31/8/2018 thì Công ty TNHH MTV T đã thông báo cho người lao động nghỉ phép vẫn hưởng lương, như vậy tổng số ngày lao động của tháng 7 là 26 ngày, thành tiền là 4.179.570 đồng. Do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 91 BLTTDS cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH MTV T phải thanh toán tiền lương còn nợ cho bà Phạm Thị D là **6.570.078 đồng (***sáu triệu, năm trăm bảy mươi ngàn, không trăm bảy mươi tám đông***)**.

- Đối với yêu cầu truy đóng BHXH: Căn cứ vào hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH MTV T với bà Phạm Thị D có cơ sở xác định bà Phạm Thị D là người lao động làm việc tại Công ty TNHH MTV T. Căn cứ công văn số 1014/BHXH-QLT, ngày 01/7/2018 của Bảo hiểm xã hội TP. Đà Nẵng và bảng tính số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội TP. Đà Nẵng và sổ bảo hiểm xã hội số 194649618 xác định rằng bà Phạm Thị D có tham gia bảo hiểm xã hội khi làm việc tại Công ty TNHH MTV T. Tuy nhiên Công ty TNHH MTV T chưa trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà Phạm Thị D từ tháng 11/2016 đến tháng 7/2018 số tiền phải đóng là 19.922.560 đồng. Theo bà Phạm Thị D số tiền này đã được công ty trích hàng tháng để đóng bảo hiểm cho bà Phạm Thị D nhưng chưa nộp vào quỹ bảo hiểm làm thiệt hại quyền lợi của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội thì trách nhiệm của người sử dụng lao động là *"Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 Luật bảo hiểm xã hội và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật bảo hiểm xã hội để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội"*. Do đó, có cơ sở xác định công ty đã trích tiền lương của người lao động để đóng bảo hiểm xã hội tháng 11/2016 đến tháng 7/2018 nhưng đã không nộp vào Bảo hiểm xã hội số tiền này, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động, vi phạm trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động.

Đại diện BHXH TP Đà Nẵng cung cấp do Công ty TNHH MTV T nợ BHXH nên ngoài số tiền nợ gốc phía Công ty TNHH MTV T còn phải trả số tiền lãi là : 2.013.067 đồng (tính từ tháng 02/2017 đến tháng 7/2018), số tiền lãi được tính theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2018 mức tính lãi là 1,2084%/1 tháng và theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 mức tính lãi là 1,317%/1 tháng.

HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn buộc Công ty TNHH MTV T phải chịu vào quỹ Bảo hiểm xã hội số tiền nợ BHXH là

19.922.560 đồng (tính từ tháng 11/2016 đến tháng 7/2018), số tiền nợ lãi: **2.013.067** đồng (tính từ tháng 02/2017 đến tháng 7/2018), tổng cộng là **21.935.627 đồng** (*hai mươi mốt triệu,chín trăm ba mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi bảy đồng*).

Ngay sau khi Công ty TNHH MTV T nộp đủ số tiền nói trên vào Bảo hiểm xã hội TP Đà Nẵng thì bà Phạm Thị D có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội.

Do Công ty TNHH MTV T ngừng hoạt động, Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng không tiếp tục tính lãi chậm đóng BHXH phát sinh từ tháng 8/2018 nên HĐXX không xem xét.

[6]Án phí lao động sơ thẩm là 855.171 đồng (*tám trăm năm mươi lăm ngàn, một trăm bảy mươi mốt đồng*), Công ty TNHH MTV T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân;

Căn cứ Điều 90, Điều 96, khoản 1 Điều 201 và khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ các Điều 15,17, 22,23, 25, 86 và 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị D.

2. Buộc Công ty TNHH MTV T phải thanh toán cho bà Phạm Thị D tiền lương còn nợ của tháng 06/2018 là 2.390.508 đồng và tiền lương trong tháng 7/2018 là 4.179.570 đồng, tổng cộng số tiền lương là **6.570.078 đồng (***sáu triệu, năm trăm bảy mươi ngàn, không trăm bảy mươi tám đông***).**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc Công ty TNHH MTV T phải chịu vào Bảo hiểm xã hội TP Đà

Nẵng số tiền nợ bảo hiểm xã hội của bà Phạm Thị D là **21.935.627 đồng** *(hai mươi mốt triệu,chín trăm ba mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi bảy đồng)***.** Trong đó: nợ gốc là: **19.922.560 đồng** (tính từ tháng 11/2016 đến tháng 7/2018), số tiền nợ lãi: **2.013.067 đồng** (tính từ tháng 02/2017 đến tháng 7/2018).

Sau khi Công ty TNHH MTV T nộp đủ số tiền nói trên vào Bảo hiểm xã hội TP. Đà Nẵng thì bà Phạm Thị D có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội.

4.Án phí lao động sơ thẩm 855.171 đồng (*tám trăm năm mươi lăm ngàn, một trăm bảy mươi mốt đồng*) Công ty TNHH MTV T phải chịu.

5.**Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA quận Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc